

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/KDTM

Ngày 16-8-2024

"V/v: Tranh chấp mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bích Hiền

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hạng Minh Thu- ông Trương Bế Thiện

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Minh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Đại diện VKSND thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên: Ông Đinh Văn Mạnh – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 81/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 05 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2024/QĐXX-DSST ngày 11/7/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH X1, địa chỉ: số B đường B, tổ D phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Người đại diện theo pháp luật bà Đinh Thị C, sinh năm 1958; chức vụ Giám đốc công ty

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Quốc X, sinh năm 1968, chức vụ Trưởng phòng Tổ chức- Hành chính- Công ty TNHH X1, địa chỉ: số nhà A ngõ C đường B, tổ E phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (có mặt)

Bị đơn: Công ty TNHH S; Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị T; chức vụ Giám đốc. Địa chỉ: Khu dân cư Đ, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương, nơi thường trú bà T: Khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai người được uỷ quyền của nguyên đơn Công ty TNHH X1 trình bày:

Ngày 23/07/2022 giữa Công ty TNHH X1 (viết tắt Công ty X1) đại diện ông Nguyễn Xuân M chức vụ Phó Giám đốc và đại diện Công ty TNHH S (viết tắt Công ty S) là bà Nguyễn Thị T đã ký kết hợp đồng nguyên tắc với nội dung thỏa thuận: “Bên A đồng ý bán cho Bên B hàng bột mỳ theo đơn đặt hàng của

Bên B từng thán g mà bên B yêu cầu, giá cả bên A sẽ báo giá cho bên B theo từng đơn hàng mà bên B đặt hàng. Địa điểm giao hàng: Giao hàng tại kho của bên B. Hàng được thanh toán bằng hình thức chuyển khoản hoặc tiền mặt. Điều kiện thanh toán: Đơn hàng đầu tiên bên B (bên mua) sẽ thanh toán cho bên A (bên bán) ngay sau khi nhận được hàng và hóa đơn. Từ đơn hàng thứ hai trở đi Bên A đồng ý cho bên B thanh toán theo hình thức trả chậm gởi đầu một mã hàng. Khi bên B đặt mã hàng tiếp theo thì phải thanh toán mã hàng trước. Thời gian thanh toán không quá 30 ngày kể từ ngày nhận hàng .Trường hợp nếu quá thời hạn trên mà bên B (bên mua) không thanh toán đủ cho bên A (bên bán) thì bên B sẽ phải chịu lãi suất quá hạn. mức lãi suất tính gáp 1,5 lần mức lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần C1 quy định tại thời điểm đó tính trên tổng số tiền và số ngày bên B nợ quá hạn. Sau 01 tháng bên B vẫn không thanh toán cho bên A. Bên A sẽ kiện bên B ra Tòa án giải quyết”

Sau khi ký kết hợp đồng giữa Công ty X1 và Công ty S nhiều lần giao dịch mua bán hàng hóa, sau đó phía bị đơn chậm thanh toán tiền. Tính đến ngày 30/11/2023, Công ty S còn nợ số tiền là 221.345.000 đồng giữa hai bên đã ký xác nhận công nợ, mặc dù nguyên đơn đã rất nhiều lần đi lại phía bị đơn hứa thanh toán nhưng đến nay không thanh toán cho. Do đó, nguyên đơn khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết buộc Công ty S thực hiện thanh toán số tiền 221.345.000 đồng theo biên bản xác nhận công nợ ngày 09/12/2023 và khoản lãi chậm trả cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

* Tại Bản tự khai đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty S (bà Nguyễn Thị T) trình bày: Tôi là Giám đốc sáng lập và là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH S, tôi đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 81 ngày 03/5/2024 do Toà án nhân dân thành phố Chí Linh giao. Tôi được biết Công ty X1 đang khởi kiện Công ty S để yêu cầu Công ty S thanh toán 221.345.000 đồng theo biên bản xác nhận công nợ ngày 19/12/2023 và khoản lãi chậm trả đến khi thanh toán xong khoản nợ. Quan điểm của Công ty S xác nhận số nợ trên là đúng (có văn bản) tuy nhiên do Công ty đang khó khăn về tài chính nên đề nghị Công ty X1 gia hạn trả nợ cho Công ty S, Công ty sẽ cố gắng để trả nợ trong thời gian sớm nhất.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn giữ nguyên quan điểm khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc và xin rút yêu cầu trả lãi.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi hội đồng xét xử nghị án; nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo hướng buộc Công ty TNHH S phải trả cho Công ty TNHH X1 số tiền nợ gốc theo Biên bản xác nhận

công nợ ngày 09/12/2023 được ký kết giữa hai công ty với tổng số tiền nợ gốc là 221.435.000 đồng và đình chỉ yêu cầu trả tiền lãi.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của Công ty X1 đối với Công ty S về việc thanh toán số tiền còn nợ theo Biên bản xác nhận công nợ, do đó Tòa án thụ lý quan hệ tranh chấp về dân sự. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, xác định số tiền nợ theo yêu cầu khởi kiện xuất phát từ việc ký kết hợp đồng nguyên tắc về mua bán hàng hóa giữa Công ty X1 và Công ty S, phát sinh trong hoạt động kinh doanh của tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận do đó xác định tranh chấp kinh doanh thương mại thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo hợp đồng mua bán thỏa thuận Tòa án Thái Nguyên có thẩm quyền giải quyết tranh chấp do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên theo điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết đại diện theo pháp luật của bị đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, tại phiên tòa vắng mặt lần thứ 2 không có lý do và không vì sự kiện bất khả kháng, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2]. Về nội dung: Ngày 23/7/2022, Công ty X1 và Công ty S ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 215/HĐTAD, theo đó Công ty X1 bán cho Công ty S bột mỳ theo đơn đặt hàng của Công ty S, giá cả nguyên đơn báo giá cho bị đơn theo từng đơn hàng mà bị đơn đặt hàng, chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất Công ty TNHH X2, địa điểm giao hàng tại kho của bị đơn, phương thức được thanh toán trong hợp đồng. Thỏa thuận sau 02 tháng bị đơn vẫn không thanh toán thì nguyên đơn có quyền khởi kiện, ngày 09/12/2023 giữa nguyên đơn và bị đơn ký kết Biên bản xác nhận công nợ, tuy nhiên bị đơn không thanh toán nên ngày 13/3/2024 nguyên đơn có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

[3] Nội dung nguyên đơn, bị đơn thống nhất không phải chứng minh:

[3.1] Công ty TNHH X1 và Công ty TNHH S là 02 doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật doanh nghiệp, có tư cách pháp nhân, người đại diện theo pháp luật có đầy đủ năng lực để tham gia giao dịch dân sự. Việc ký kết hợp đồng nguyên tắc ngày 23/7/2022 giữa hai công ty

với mục đích kinh doanh, do đó mục đích nội dung và hình thức giao dịch trên theo đúng quy định pháp luật các bên cùng thừa nhận.

[3.2] Sau khi ký kết hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện giao nhận hàng theo đúng hợp đồng, theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 09/12/2023 xác nhận đến ngày 30/11/2023 phía bị đơn còn nợ số tiền 221.435.000 đồng.

Xét các đương sự cùng thống nhất việc ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 215/HĐTAD ngày 23/7/2022 giữa Công ty X1 với Công ty S trên cơ sở tự nguyện, cùng thống nhất xác nhận công nợ tính đến ngày 30/11/2023 đây là các tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc thanh toán số tiền gốc theo biên bản xác nhận công nợ ngày 09/12/2023 thấy: Theo hợp đồng nguyên tắc số 215/HĐTAD ngày 23/7/2022 các bên thỏa thuận về việc thanh toán “*Thời gian thanh toán cũng không quá 30 ngày kể từ ngày nhận hàng..... Sau 02 tháng bên B (bị đơn) vẫn không thanh toán cho bên A (nguyên đơn). Bên A sẽ kiện bên B ra Tòa án Thái Nguyên*”. Theo Bảng kê chi tiết đối chiếu công nợ từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/11/2023 xác định ngày giao hàng cuối cùng của nguyên đơn là ngày 01/7/2023, bị đơn thừa nhận khoản nợ và đề nghị cho gia hạn thời hạn trả nợ, do đó việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc cho nguyên đơn là 221.435.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về yêu cầu trả lãi: Tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu về việc tính lãi chậm trả, xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện phù hợp với quy định pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho nguyên đơn.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 87, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật thương mại 2005. Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái An Dương

1. Buộc Công ty TNHH S có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH X1 tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (16/8/2023) là 221.435.000 đồng (Hai trăm hai mươi một triệu bốn trăm ba mươi năm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu tính lãi suất chậm trả.

3. Về án phí:

2.1 Buộc Công ty TNHH S phải chịu 11.071.750 đồng (Mười một triệu không trăm bảy mươi một nghìn bảy trăm năm mươi đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

2.2 Trả lại cho Công ty TNHH X1 số tiền 5.535.000 đồng (Năm triệu năm trăm ba mươi năm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002768 ngày 03/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

3. Quyền kháng cáo: Công ty TNHH X1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty TNHH S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên
- Chi cục THADS thành phố Thái Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Bích Hiền